



Nguồn gốc, ý nghĩa của chỉ ngũ sắc trong tín ngưỡng và truyền thống Phật giáo

ISSN: 2734-9195 08:30 05/12/2025

Ngũ sắc tượng trưng cho sự hòa hợp của mọi yếu tố. Kết các màu lại, tạo thành tên, biểu tượng cho: Sự hòa hợp giữa người và người, Sự hòa hợp giữa tự thân và cộng đồng, Sự hòa hợp giữa thân – tâm – trí.

Tác giả: **Tỷ khiêu Tiến sĩ Thích Quảng Hợp**, Chùa Song Quỳnh, tỉnh Bắc Ninh

Tóm tắt

Trong truyền thống Phật giáo, hình ảnh ngũ sắc (năm màu) mang ý nghĩa đặc biệt, tượng trưng cho Ngũ trí, Ngũ phương, Ngũ uẩn và các phẩm tính giác ngộ. Việc sử dụng chỉ ngũ sắc kết thành tên (hoặc kết thành các vật mang tính biểu trưng) được nhiều kinh điển và chú giải đề cập như một phương tiện giúp hành giả ghi nhớ lời Phật dạy, duy trì chính niệm và hướng tâm vào thiện pháp.

Bài viết phân tích: (1) nguồn gốc kinh điển liên quan đến ngũ sắc; (2) ý nghĩa biểu tượng của năm màu theo Phật học; (3) ý nghĩa và lợi ích của việc dùng chỉ ngũ sắc kết thành tên; (4) ứng dụng trong đời sống tu tập và văn hóa Phật giáo hiện đại.

1. Mở đầu

Biểu tượng màu sắc đóng vai trò quan trọng trong tôn giáo – triết học phương Đông. Trong Phật giáo, năm màu (xanh, vàng, đỏ, trắng, cam) xuất hiện từ thời đức Phật, gắn với hào quang của Ngài sau khi thành đạo. Sự kết hợp năm màu trong pháp cụ, cờ Phật giáo, vòng dây hộ trì hay chỉ ngũ sắc trong nghi lễ đều không mang tính “mê tín”, mà là phương tiện biểu trưng.

Việc kết tên bằng chỉ ngũ sắc là một phương pháp giúp người phật tử nhắc nhớ tới lời Phật dạy, giữ tâm hướng thiện và kết nối với lý tưởng giác ngộ. Đây cũng là cách vật hóa (materialization) các giá trị nội tâm: mỗi màu là một “dấu hiệu nhận biết” để người đeo hoặc người nhìn nhớ đến chính niệm, đạo đức và tình thương.

2. Nguồn gốc kinh điển về ngũ sắc

2.1. Hào quang ngũ sắc trong kinh điển

Sau khi Đức Phật thành đạo dưới cội bồ đề, nhiều kinh mô tả hào quang tỏa ra từ thân Ngài với năm màu. Kinh Đại Bốn (Trường Bộ Kinh, Mahāpadāna Sutta) mô tả hào quang của Đức Phật chiếu ra với nhiều màu sắc. Kinh Vô Lượng Nghĩa, phẩm “Tự tại thần thông”, ghi rằng: “Hào quang từ Phật phóng ra chiếu khắp mười phương, gồm năm sắc nhiệm mầu.” Kinh Quán Vô Lượng Thọ mô tả ánh sáng của Phật A Di Đà có vô số màu, trong đó năm màu căn bản xuất hiện rõ nhất. Từ đó, ngũ sắc trở thành biểu tượng pháp tính của chư Phật., Kinh Dược Sư đều nhắc tới chỉ ngũ sắc.v.v.

2.2. Ngũ sắc trong truyền thống Tây Tạng và Nam truyền

Trong Phật giáo Tây Tạng, năm màu tượng trưng cho Ngũ Trí Phật (Vairocana – Akshobhya – Ratnasambhava – Amitābha – Amoghasiddhi). Trong Nam tông, năm màu tượng trưng cho Ngũ uẩn (sắc – thọ – tưởng – hành – thức), nhắc nhở vô ngã.

Việc dùng dây ngũ sắc xuất hiện trong nghi lễ hộ trì, tụng kinh, quán đảnh, hoặc làm dấu hiệu nhắc nhở tâm linh. Mặc dù kinh điển không nói trực tiếp rằng “Phật dạy kết tên bằng chỉ ngũ sắc”, nhưng các bản chú giải và nghi quỹ đều dựa trên nguyên lý biểu trưng của ngũ sắc để ứng dụng vào đời sống.



Hình ảnh chỉ ngũ sắc kết lại đeo vào tay để chính niệm nhớ tên mình, tu tập

3. Ý nghĩa biểu tượng của năm màu theo Phật học

Dưới đây là ý nghĩa phổ biến nhất của ngũ sắc trong Phật giáo Đại thừa và Nguyên thủy:

Màu xanh dương (Ni-lam: Tượng trưng: tĩnh lặng, kiên định, thiền định; Biểu trưng cho: Trí Tuệ Như Như – Akshobhya; Nhắc nhở người tu: giữ tâm bình an, không dao động; 2. Màu vàng: Tượng trưng: trí tuệ, kiên nhẫn, sung túc: Liên hệ: Ratnasambhava; Nhắc nhở: sống khiêm cung, biết đủ, không tham; 3. Màu đỏ: Tượng trưng: từ bi, năng lượng, tình thương: Liên hệ: Amitābha; Nhắc nhở: mở rộng trái tim, nuôi dưỡng tình thương.

Màu trắng: Tượng trưng: thanh tịnh, tinh khiết, trí tuệ sáng suốt: Liên hệ: Vairocana; Nhắc nhở: sống chân thật, thanh tịnh, không tà niệm; 5. Màu cam (hoặc màu pha giữa đỏ-vàng): Tượng trưng: tinh tấn, thành tựu; Liên hệ: Amoghasiddhi; Nhắc nhở: hành động thiện lành, bền bỉ trên con đường tu.

Ngũ sắc không đơn thuần là màu sắc, mà là biểu tượng của năm phẩm tính giác ngộ. Vì vậy, chỉ ngũ sắc mang ý nghĩa nhắc nhở thực hành các phẩm tính này trong đời sống.

4. Giải thích việc dùng chỉ ngũ sắc kết thành tên

Thực hành “kết chỉ” hay “buộc dây” trong Phật giáo xuất hiện ở nhiều nền văn hóa: Truyền thống Tây Tạng: buộc dây ngũ sắc sau lễ gia trì (lung, wang). Truyền thống Nam tông: lễ pirit (tụng kinh hộ trì) thường buộc dây trắng hoặc dây nhiều màu vào cổ tay. Phật giáo Việt Nam: dùng chỉ ngũ sắc trong lễ cầu an, lễ Vu Lan, Tết Nguyên Đán hoặc lễ thọ giới.

Việc kết tên bằng chỉ ngũ sắc xuất phát từ nhu cầu: Ghi dấu pháp danh hoặc danh tính tâm linh, Nhắc nhở người đeo hướng về pháp thiện, Gắn kết cộng đồng Phật tử trong cùng một truyền thống. Dù hình thức khác nhau theo từng vùng, tinh thần chung đều dựa trên các biểu tượng ngũ sắc của Phật giáo.

5. Lợi ích của việc dùng chỉ ngũ sắc kết thành tên

5.1. Lợi ích về tâm lý - chính niệm

Chỉ ngũ sắc kết thành tên giúp người đeo: Nhớ đến lời Phật dạy khi nhìn thấy tên mình; Giữ chính niệm trong hành động và lời nói; Tạo cảm giác bình an mỗi khi quan sát hoặc chạm vào sợi chỉ; Nhắc nhở sống phù hợp với các phẩm tính ngũ sắc: tĩnh lặng – trí tuệ – từ bi – thanh tịnh – tinh tấn. Đây là ứng dụng gần với “mindfulness cue” (dấu hiệu nhắc nhở chính niệm) trong tâm lý học hiện đại.

5.2. Lợi ích đạo đức - giáo dục

Khi tên được kết bằng ngũ sắc, nó trở thành biểu tượng đạo đức:

Gợi nhắc hành giả sống xứng đáng với danh xưng, Tự thấy trách nhiệm khi xuất hiện trước cộng đồng, Nuôi dưỡng lòng tôn trọng bản thân và người khác. Tên gọi gắn với ngũ sắc giúp đạo đức được “hình tượng hóa”, dễ nhớ và dễ thực hành.

5.3. Lợi ích văn hóa - tinh thần cộng đồng

Ngũ sắc là biểu tượng chung của mọi truyền thống Phật giáo, do đó kết tên bằng chỉ ngũ sắc mang tính: Gắn kết cộng đồng, Nhận diện người cùng niềm tin hoặc cùng pháp môn, Tạo sự hòa hợp và đồng thuận. Trong nghi lễ tập thể, dây ngũ sắc kết tên có vai trò giống như “biểu chương” của sự hòa hợp, tương tự tinh thần Lục hòa trong tăng đoàn.

5.4. Lợi ích hộ trì tâm linh (theo nghĩa biểu tượng)

Trong Phật giáo, “hộ trì” không mang nghĩa phép thuật, mà là bảo hộ tâm. Dây ngũ sắc tượng trưng cho: Hào quang của Phật, Phẩm chất giác ngộ, Bốn vô lượng tâm (từ – bi – hỷ – xả), Trí tuệ vô ngã.

Vì vậy, kết tên bằng ngũ sắc giúp nhắc ta sống trong ánh sáng của chính pháp, tránh xa điều xấu, hướng về thiện nghiệp – đó là hộ trì chân thật nhất.

5.5. Lợi ích mỹ thuật - thẩm mỹ tôn giáo

Chỉ ngũ sắc kết thành tên còn tạo vẻ đẹp thanh nhã, đơn giản nhưng trang nghiêm, phù hợp với tinh thần Phật giáo “dĩ giản chế phồn” (dùng giản dị để thắng phức tạp).

6. Ý nghĩa của việc dùng chỉ ngũ sắc kết thành tên

6.1. Biểu tượng của con đường giác ngộ cá nhân

Tên – dù là pháp danh hay tên đời – là dấu hiệu của tự thân. Khi tên được kết bằng ngũ sắc, điều đó hàm ý: Mỗi người đều có hạt giống giác ngộ; Hành trình giác ngộ đi qua năm phẩm tính ngũ sắc; Danh xưng không chỉ để gọi, mà để nuôi dưỡng phẩm hạnh.

6.2. Ý nghĩa nối kết giữa truyền thống và hiện tại

Ngũ sắc mang tính truyền thống lâu đời, trong khi việc kết tên bằng chỉ lại là cách ứng dụng sáng tạo hiện đại. Điều này cho thấy sự linh hoạt của Phật giáo: Giữ nguyên tinh thần, Tùy duyên biến đổi hình thức. Đó là minh chứng cho lời Phật dạy: “Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên.” (Luận Đại Trí Độ – Bồ Tát Long Thọ, Ấn Độ)

6.3. Ý nghĩa nhắc nhở về vô ngã và vô thường

Khi nhìn vào sợi chỉ mỏng manh kết thành tên, ta nhận ra: Tất cả đều do duyên hòa hợp, giống như ngũ uẩn hòa hợp thành con người. Không có “cái tôi” độc lập – tên chỉ là ký hiệu.

Điều này phù hợp với lời dạy: “Các pháp do duyên sinh, các pháp do duyên diệt” (Kinh Tương Ưng Bộ – Nidāna-saṃyutta).

6.4. Ý nghĩa hòa hợp – đoàn kết

Ngũ sắc tượng trưng cho sự hòa hợp của mọi yếu tố. Kết các màu lại, tạo thành tên, biểu tượng cho: Sự hòa hợp giữa người và người, Sự hòa hợp giữa tự thân và cộng đồng, Sự hòa hợp giữa thân – tâm – trí.

Kết luận

Việc dùng chỉ ngũ sắc kết thành tên không phải là hình thức mê tín hay nghi lễ xa lạ, mà là ứng dụng mang tính biểu tượng sâu sắc dựa trên các nguyên lý Phật học: Ngũ sắc tượng trưng cho năm phẩm tính giác ngộ. Tên tượng trưng cho con người cá nhân.

Kết tên bằng ngũ sắc biểu trưng cho hành trình sống và tu tập trong ánh sáng của trí tuệ và từ bi. Lợi ích của thực hành này bao gồm: Nhắc nhở chính niệm, Tăng trưởng đạo đức, Gắn kết cộng đồng, Hộ trì tâm linh theo nghĩa biểu tượng, Tạo vẻ đẹp thẩm mỹ và sự trang nghiêm.

Phương tiện ngũ sắc giúp phật tử duy trì tâm an lành, vững chãi, đúng như tinh thần lời Phật dạy trong Kinh Đại Bát Niết Bàn ghi: “Hãy tự thấp đuốc lên mà đi, hãy nương tựa nơi chính mình”.

Tác giả: **Tỷ khiêu Tiến sĩ Thích Quảng Hợp**, chùa Song Quỳnh, tỉnh Bắc Ninh

Tài liệu tham khảo:

1. Đại Trí Độ Luận, Tác giả Bồ Tát Long Thọ, Ấn Độ
2. Thích Chân Thường (20 Đại Bát Niết Bàn, Nhà xuất bản Tôn Giáo
3. Kinh Chú Thường Tụng (2000), Kinh A Di Đà, Nhà xuất bản Tôn Giáo
4. Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch Kinh Quán Vô Lượng Thọ
5. Giáo Hội Phật giáo Việt Nam, Chùa Quán Sứ, (2009)Chư Kinh Nhật Tụng, NXB Tôn Giáo.
6. <https://phatphapungdung.com/phap-bao/kinh-vo-luong-tho-phat-164144.html>
7. Thích Thiện Hoa (2008), Phật học Phổ Thông, NXB Tôn Giáo
8. Thích Chân Thường dịch (2010),Kinh Đại Bát Niết Bàn (tập 1, 2), NXB Tôn giáo
9. Kinh Tương Ưng Bộ – Nidāna-saṃyutta
10. Kinh Đại Bản, Trường Bộ Kinh, (Mahāpadāna Sutta)
11. Kinh Vô Lượng Nghĩa, phẩm Tự tại thần thông